TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2024/KDTM-PT Ngày: 19 - 7 - 2024 V/v tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng Logistics"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

*Các thẩm phán:*Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12/7/2024 và 19/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2024/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng Logistics*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 964 /2024/ QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2.

Địa chỉ trụ sở: Tầng F, Tòa nhà V, số I phố D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Việt T – Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc H (có mặt)

Địa chỉ: 7 H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH T3.

Địa chỉ: G T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Châu Nhật Q, sinh năm 1982; địa chỉ: 1 Số nhà A, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Tầng A, S, Số A M, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Burrell Kevin S – Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần T2 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 21/08/2021, Công ty Cổ phần T2 (viết tắt là Công ty T2) và Công ty TNHH T3 (viết tắt là Công ty T3) có ký Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics số 21821/HĐNT/WLC-TQT (Viết tắt là "Hợp đồng Logistics 21821"). Theo hợp đồng này thì: Công ty T3 thuê Công ty T2 thực hiện dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa (quả bưởi) từ cảng H, Việt Nam sang cảng V, Liên bang N; dịch vụ hải quan thông quan hàng xuất khẩu tại cảng H; dịch vụ xin giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ mặt hàng Bưởi tươi.

Ngày 09/09/2021, Công ty Cổ phần T2 đã gửi Báo giá dịch vụ vận chuyển cho ông Châu Nhật Q - Chủ tịch HĐQT Công ty T3 thông qua Zalo theo số điện thoại 0944.688.399. Nhận được sự đồng ý của ông Châu Nhật Q, Công ty T2 đã đặt chỗ qua hãng tàu Sealand Maersk theo xác nhận đặt chỗ số 913092339, tiến hành thủ tục hải quan thông quan hàng xuất, xin giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa để vận chuyển 07 container lạnh 40 feet khởi hành từ cảng H ngày 14/09/2021 đi cảng V, Liên bang N.

Ngày 22/11/2021, lô hàng 07 container lạnh 40 feet kể trên đã cập cảng V, Liên bang N. Hãng tàu Sealand Maersk cũng đã gửi Thông báo hàng đến (A) tới nhà nhập khẩu – là khách hàng của Công ty TNHH T3 qua email vào lúc 06h23p ngày 18/11/2021.

Theo quy định tại khoản 3, Điều II của Hợp đồng Logistics, thời hạn thanh toán là trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo nợ và muộn nhất không được quá ngày 22/11/2021 là ngày tàu cập cảng Vladivostok, Liên bang N. Sau khi hàng hóa được thông quan và lên tàu, Công ty T2 đã gửi giấy báo nợ (Debit Note) cho Công ty T3 và ông Châu Nhật Q với số tiền là 1.935.105.500 đồng. Tuy nhiên, Công ty T3 không thực hiện việc thanh toán cho Công ty T2 nên Công ty T2 gửi nhiều Công văn để yêu cầu Công ty T3 thanh toán gồm:

- Công văn ngày 27/11/2021, yêu cầu Công ty T3 thanh toán số tiền là: 1.980.645.500 đồng.

- Công văn ngày 06/12/2021, yêu cầu Công ty T3 thanh toán số tiền là: 1.990.765.500đồng.

- Công văn ngày 22/02/2022, yêu cầu Công ty T3 thanh toán số tiền là: 2.046.425.500 đồng.

Kèm theo đề nghị Công ty T3 xử lý, giải phóng lô hàng 07 container lạnh 40 feet nằm tại cảng V, Liên bang N để hoàn trả vỏ container sạch sẽ cho hãng tàu Sealand Maersk.

Tuy nhiên cho đến nay thì Công ty T3 vẫn chưa thực hiện những yêu cầu của Công ty T2. Công ty TNHH T3 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng Logistics, điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2. Công ty Cổ phần T2 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu Công ty TNHH T3 thanh toán đầy đủ công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần T2 theo Hợp đồng Logistics, tạm tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2022 là: 2.117.265.500 đồng.

- Buộc Công ty TNHH T3 chịu toàn bộ trách nhiệm giải phóng lô hàng 07 container lạnh 40 feet có số vận đơn 913092339 nằm tại cảng V, Liên bang N để hoàn trả vỏ 07 container lạnh 40 feet sạch sẽ cho hãng tàu (Công ty TNHH M).

Tại đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 của Công ty T2 thì Công ty T2 yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2022 là 2.224.426.100 đồng và rút toàn bộ yêu cầu Công ty T3 phải chịu toàn bộ trách nhiệm giải phóng lô hàng 07 container lạnh 40 feet có số vận đơn 913092339 nằm tại cảng V, Liên bang N để hoàn trả vỏ 07 container lạnh 40 feet sạch sẽ cho hãng tàu (Công ty TNHH M). Ngày 23/11/2022, Công ty T2 có đơn đề nghị xem xét có nội dung: Yêu cầu Công ty T3 thanh toán số tiền 2.417.987.100 đồng tạm tính đến ngày 23/11/2022. Tại phiên tòa, Công ty T2 yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán số tiền 2.378.577.700 đồng.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm Văn T1 là người đại diện theo pháp luật và ông Châu Nhật Q là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T3 trình bày:

Năm 2021, qua các mối quan hệ cá nhân ông T1 có phát triển được một hợp đồng mua bán trái cây xuất khẩu là quả bưởi tươi để xuất khẩu sang nước Cộng hòa liên bang Nga. Do dịch bệnh Covid nên việc đi lại khó khăn. Ngày 15/08/2021, ông T1 có ủy quyền cho ông Châu Nhật Q - Phó giám đốc Công ty TNHH T3 để làm việc, tìm kiếm, giao dịch với đối tác vận chuyển hàng hóa là 7 container 40’ hàng bưởi tươi. Sau đó, ông T1 nhận được thông tin công ty V được chọn là Công ty Cổ phần T2 (Viết tắt là Công ty T2) mà đại diện là ông Phạm Việt T - Chức vụ Giám đốc.

Công ty T3 và Công ty T2 ký kết Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logistics số 21821/HĐNT/WLC-TQT ngày 21/8/2021. Hợp đồng này quy định về phương thức vận chuyển toàn bộ bằng tàu biển, thời gian vận chuyển bắt đầu từ ngày bốc hàng lên tàu đến khi tàu cập bến là 36 ngày (từ 15/9/2021). Các nội dung này thì hai bên công ty trao đổi và xác nhận với nhau thông qua Z. Trong quá trình vận chuyển thì thấy có nhiều dấu hiệu không đúng như trao đổi giữa ông Phạm Việt T với ông Châu Nhật Q. Cụ thể là: Phía ông T thay đổi phương thức vận chuyển khác không phải vận chuyển hoàn toàn bằng tàu biển như trong Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ Logictic số 20821/HĐNT/WLC-TQT đã ký mà có cả vận chuyển bằng đường bộ nhưng Công ty T2 không thông báo cho Công ty T3 bằng văn bản/email/Zalo cho ông Q. Thời gian vận chuyển sai lệch quá lớn so với thời gian mà ông T đã thống nhất bằng Zalo với ông Q (Cụ thể ông T, ông Q đã trao đổi thống nhất là 36 ngày đến) nhưng thực tế tổng cộng tất cả bao gồm thời gian vận chuyển và lưu bãi là gần 65 ngày). Khi có thông báo hàng đến cảng V thì ông Q yêu cầu ông T xác nhận hàng nguyên seal, nguyên container có rõ số chì đã kẹp nhưng ông T nhiều lần hẹn sẽ cung cấp theo yêu cầu của ông Q nhưng không cung cấp.

Ngày 22/11/2021, bên Công ty T2 thông báo cho Công ty T3 là hàng đã đến Nga. Công ty T3 yêu cầu Công ty T2 mở container hàng cho bên nhận hàng kiểm tra, nếu không cho mở thì phải chụp được kẹp chì bên ngoài container gửi cho Công ty T3 xem nhưng Công ty T2 không thực hiện đồng thời tắt máy không nghe máy của bên Công ty T3. Từ đó hai bên xảy ra tranh chấp. Ông Q có liên hệ với Công ty T2 để yêu cầu mở container cho ông Q xem hàng, nếu hàng có bị hỏng thì bên ông Q vẫn đồng ý trả tiền vận chuyển nhưng Công ty T2 không đồng ý. Khi đó, Công ty T2 cung cấp cho ông Q mã vận đơn để ông Q tra cứu quá trình vận chuyển. Tất cả quá trình vận chuyển theo mã vận đơn do Công ty T2 cung cấp thể hiện vận chuyển bằng tàu biển. Tuy nhiên, trong khi tranh chấp thì Công ty T2 có chuyển nhầm cho ông Q một bản tra cứu cũng với mã vận đơn đó nhưng có quá trình 9 ngày (Từ 02/10/2021 – 11/10/2021) vận chuyển bằng đường bộ. Đồng thời, thông qua tin nhắn Zalo thì ông T cũng xác nhận có việc vận chuyển bằng đường bộ này. Việc vận chuyển bằng đường bộ ảnh hưởng tới chất lượng hàng hóa và vi phạm thỏa thuận của hai bên.

Công ty T3 đã nhiều lần yêu cầu Công ty T2 cung cấp vận đơn gốc của lô hàng (tất cả trao đổi, yêu cầu hai bên đều thực hiện qua Zalo) nhưng đến hiện tại thì Công ty T3 vẫn chưa nhận được vận đơn gốc. Nếu không có vận đơn gốc thì bên nhận hàng không thể nhận hàng và Công ty T3 cũng không thể làm thủ tục để rút tiền của bên nhận hàng.

Việc ông Phạm Việt T kiện Công ty TNHH T3 là không đúng với hợp đồng. Ông Phạm Việt T yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán đầy đủ số tiền 2.117.265.500 đồng là không đúng với quyền và nghĩa vụ anh Phạm Việt T đã thực hiện theo hợp đồng đã ký.

Ông Phạm Việt T yêu cầu Công ty T3 chịu toàn bộ trách nhiệm giải phóng lô hàng 7 container lạnh 40 feet có số vận đơn số 913092339 nằm tại

cảng V, Liên Bang N để hoàn trả vỏ container sạch sẽ cho hãng tàu (Công ty TNHH M) là không đúng với nghĩa vụ của Công ty T3.

Thông qua những chứng cứ trên Zalo mà ông T phản hồi, giải đáp thì hoàn toàn sai lệch, không trùng khớp với thông tin mà ông Q nhận được. Bên cạnh đó, những yêu cầu chính đáng của ông Q với vị trí là đối tác (chủ hàng) cũng không được ông T và Công ty T2 đáp ứng. Với những thông tin đó ông Q yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty T2 làm rõ những vấn đề nêu trên vì ông Q nghi ngờ có sự gian lận trong thương mại hoặc hàng hóa đã bị thất thoát và bán ra ngoài thị trường.

Theo Đơn phản tố đã được sửa đổi, bổ sung ngày 28/10/2023, Công ty TNHH T3 yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần T2 bồi thường thiệt hại về hàng hóa 2.500.000.000 đồng; 560.000.000 đồng tiền vận chuyển hàng từ Trà Vinh đến Lào Cai; 123.000.000 đồng tiền vận chuyển hàng từ Lào Cai về cảng H; 280.000.000 đồng tiền mà Công ty T3 đặt cọc trước cho Công ty T2; Đồng thời, Công ty T2 phải bồi thường cho Công ty TQT tiền tổn thất khác do ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu, lợi ích, chi phí vận hành công việc, thiệt hại về chi phí ngân hàng, mối quan hệ làm ăn của Công ty T3 với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Công ty T3 yêu cầu Công ty T2 phải bồi thường là 5.963.000.000 đồng.

3. Công ty TNHH M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác và không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty TNHH M.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 34, 35, 39, 41, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 239, 240 của Luật thương mại; các Điều 162, 163, 164, 165, 166, 167 của Bộ luật Hàng hải; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 thanh toán tiền dịch vụ Logistics. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T3 về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T2 bồi thường giá trị hàng hóa do Công ty Cổ phần T2 giữ.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc buộc Công ty TNHH T3 chịu toàn bộ trách nhiệm giải phóng lô hàng 07 container lạnh 40 feet có số vận đơn 913092339 nằm tại cảng V, Liên bang N để hoàn trả vỏ 07 container lạnh 40 feet sạch sẽ cho hãng tàu (Công ty TNHH M).

2. Công ty TNHH T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T2 số tiền dịch vụ Logistics là 1.662.047.500 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

3. Công ty Cổ phần T2 phải bồi thường giá trị hàng (bưởi) 07 container lạnh 40 feet cho Công ty TNHH T3 là 3.183.000.000 đồng (Ba tỷ, một trăm tám mươi ba triệu đồng).

4. Khấu trừ nghĩa vụ Công ty TNHH T3 với Công ty Cổ phần T2 thì Công ty Cổ phần T2 còn phải thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền là 1.520.952.500 đồng (Một tỷ, năm trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 01/12/2023, ông Phạm Việt T - đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 06/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định kháng nghị số 1066/QĐ-VKD-KDTM đề nghị kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 5.963.000.000, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do:

- Việc TQT cho rằng thời gian vận chuyển quá dài, quá trình vận chuyển có phát sinh vận chuyển bằng đường bộ nhưng không được báo trước là không có căn cứ vì việc vận chuyển bằng đường biển qua lãnh hải các quốc gia khác nhau là không thể can thiệp và không ảnh hưởng đến chất lượng và số lượng lô hàng.

- Việc TQT yêu cầu TVTC mở container khi Lô hàng cập cảng nước Nga là không có căn cứ và không có thiện chí trong việc thanh toán

- Việc TQT yêu cầu TVTC liên đới chịu trách nhiệm đối với tổn thất hàng hóa, phí vận chuyện từ Trà Vinh đến Lào Cai rồi đến Hải Phòng là không đúng vì TVT chỉ đại diện cho TQT làm tờ khai và các thủ tục khác trước khi thông quan hải quan chứ không liên quan đến vận chuyển hàng hóa trước thời điểm lô hàng hạ bãi xuống tàu.

Bị đơn Công ty TNHH T3 không có kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung : Bản án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng có có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm của Quyết định kháng nghị số 1066 ngày 06/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm theo chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 20/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 18/10/2023, do vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M nên phải hoãn phiên tòa. Đến ngày 30/10/2023, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn phản tố của bị đơn là Công ty TNHH T3 (viết tắt là Công ty T3).

Việc bị đơn nộp đơn yêu cầu phản tố sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên tòa là trễ hạn so với quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì bị đơn đã nộp đơn phản tố cho Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên do đơn phản tố được làm không đúng quy định nên không được Tòa án chấp nhận. Quá trình sửa đổi, bổ sung đơn phản tố của bị đơn được thực hiện nhiều lần nhưng vẫn chưa được Tòa án chấp nhận do thực hiện không đúng. Đến sau khi mở phiên tòa sơ thẩm thì đơn phản tố mới được làm theo đúng quy định. Yêu cầu phản tố của bị đơn có mối liên hệ chặt chẽ với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần phải được xem xét, giải quyết trong cùng một vụ án thì mới triệt để. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[2] Ngày 21/08/2021, Công ty Cổ phần T2 (viết tắt là Công ty T2) và Công ty T3 ký Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ logistics số 21821/HĐNT/WLC-TQT (viết tắt là "Hợp đồng Logistics 21821"). Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì Công ty T3 thuê Công ty T2 thực hiện dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa (quả bưởi) từ cảng H, Việt Nam sang cảng V, Liên bang N. Các dịch vụ giao nhận vận chuyển bao gồm: Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ từ kho xuống cảng xuất khẩu tại Việt Nam; dịch vụ hải quan thông quan hàng xuất khẩu tại cảng H; dịch vụ kiểm dịch thực vật hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường Liên bang N, dịch vụ xin Giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ Việt Nam theo mẫu EAV; vận chuyển hàng hóa bằng đường biển từ các cảng của Việt Nam đến các cảng của Liên bang N.

Ngày 09/09/2021, Công ty T2 đã gửi Báo giá dịch vụ vận chuyển cho ông Châu Nhật Q là Chủ tịch HĐQT Công ty T3. Nhận được sự đồng ý của ông Q, Công ty T2 đã đặt chỗ qua hãng tàu Sealand Maersk theo xác nhận đặt chỗ số 913092339, tiến hành thủ tục hải quan thông quan hàng xuất, xin giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa để vận chuyển 07 container lạnh 40 feet khởi hành từ cảng H ngày 14/09/2021 đi cảng V, Liên bang N.

Ngày 22/11/2021, lô hàng 07 container lạnh 40 feet kể trên đã cập cảng V, Liên bang N. Hãng tàu Sealand Maersk đã gửi Thông báo hàng đến (A) tới nhà nhập khẩu – LLC-BEFRESH là khách hàng của Công ty T3 qua email vào lúc 06h23′ ngày 18/11/2021.

Hãng tàu Sealand Maersk ký phát Vận đơn số 913092339 đích danh cho LLC-BEFRESH. Theo Vận đơn này thì tổng giá trị hàng hóa vận chuyển tính thuế là 121.660USD, tỷ giá 1USD = 22.670 VNĐ, thành tiền Việt Nam là 2.758.032.200 đồng. Như vậy, việc Công ty T3 chỉ xác định giá trị lô hàng 07 container là 2.500.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Công ty T2 kháng cáo cho rằng Công ty không có lỗi trong việc nhà nhập khẩu – LLC-BEFRESH là khách hàng của Công ty T3 đã từ chối nhận hàng. Công ty T2 cho rằng do Công ty T3 chậm thanh toán tiền dịch vụ theo hợp đồng nên Công ty T2 không cung cấp vận đơn gốc mà chỉ cung cấp vận đơn nháp cho Công ty T3, Công ty T2 có quyền giữ lại vận đơn gốc, chứng từ gốc của hàng hóa để đòi nợ. Hợp đồng giữa hai bên cũng không quy định Công ty T2 phải cung cấp vận đơn cho LLC-BEFRESH.

Công ty T3 thừa nhận chưa chuyển tiền cho Công ty T2 với lý do hai bên thỏa thuận việc vận chuyển hàng hóa hoàn toàn bằng tàu biển tuy nhiên trong quá trình vận chuyển đã phát sinh 09 ngày vận chuyển bằng đường bộ mà Công ty T3 không được thông báo. Đồng thời, thời gian vận chuyển sai lệch quá lớn so với thời gian mà hai bên đã trao đổi thống nhất qua điện thoại, cụ thể hai bên đã trao đổi thống nhất là 36 ngày đến nhưng thực tế tổng cộng tất cả bao gồm thời gian vận chuyển và lưu bãi là gần 65 ngày.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vào ngày 17/12/2021, LLC-BEFRESH có văn bản gửi cho Công ty T3 thông báo rằng: "Vào ngày 22/11/2021, hàng bưởi tươi

07 container đã cập cảng Vladivostok trên tàu AASO/Chuyến đi 145N, B/L: 913092339. Hàng đang chờ trong cảng trong 25 ngày, do không có tài liệu kiểm dịch thực vật gốc, giấy chứng nhận xuất xứ (Mẫu A), vận đơn gốc hoặc bản phát hành telex. Do quy định của pháp luật Liên bang N, chúng tôi buộc phải làm thủ tục trả lại hàng (theo hình thức tái xuất)".

Công ty T2 thừa nhận khi tàu cập cảng V thì LLC-BEFRESH chấp nhận nhận hàng nhưng Công ty T2 không cung cấp cho Công ty T3 và LLC-BEFRESH tài liệu kiểm dịch thực vật gốc, giấy chứng nhận xuất xứ (Mẫu A), vận đơn gốc hoặc bản phát hành telex.

Như vậy, việc LLC-BEFRESH không chấp nhận nhận hàng là do thiếu các giấy tờ nêu trên mà các giấy tờ này do Công ty T2 giữ và Công ty T2 từ chối cung cấp cho Công ty T3 và LLC-BEFRESH.

Tại Điều 239 của Luật thương mại quy định:

"1- *Thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics có quyền cầm giữ một số lượng hàng hóa nhất định và các chứng từ liên quan đến số lượng hàng hóa đó để đòi tiền nợ đã đến hạn của khách hàng nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho khách hàng".*

Tại Điều 240 của Luật thương mại quy định:

"Khi chưa thực hiện quyền định đoạt hàng hóa theo quy định tại Điều 239 của Luật này, thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistic thực hiện quyền cầm giữ hàng hóa có các nghĩa vụ sau đây:

1- *Bảo quản giữ gìn hàng hóa;*

2- *Không được sử dụng hàng hóa nếu không được bên có hàng hóa bị cầm giữ đồng ý;*

3- *Trả lại hàng hóa khi các điều kiện cầm giữ, định đoạt hàng hóa quy định tại Điều 239 của Luật này không còn;*

4- *Bồi thường thiệt hại cho bên có tài sản bị cầm giữ nếu làm mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa cầm giữ."*

Theo quy định tại khoản 3, Điều II của Hợp đồng Logistics 21821 giữa Công ty T2 và Công ty T3 thì: Ngay khi hàng lên tàu, Công ty T2 sẽ gửi giấy báo nợ (Debit Note) của lô hàng được vận chuyển kèm theo hóa đơn, chứng từ của lô hàng cho Công ty T3. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo nợ của Công ty T2, Công ty T3 có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Công ty T2. Sau thời hạn 05 ngày kể trên được coi là thanh toán muộn; phí thanh toán muộn là USD 200/tuần. Thời hạn thanh toán muộn nhất không được quá ngày tàu cập cảng đến tại cảng đến Liên bang N.

Như vậy, nếu Công ty T3 vi phạm về thời hạn thanh toán thì Công ty T3 sẽ chịu phí thanh toán muộn với Công ty T2. Việc Công ty T2 cầm giữ chứng từ liên quan đến hàng hóa khiến cho LLC-BEFRESH không thể nhận hàng đồng nghĩa với việc Công ty T2 đã tự định đoạt hàng hóa của Công ty T3, tự cầm giữ

toàn bộ số lượng hàng hóa này. Công ty T2 cầm giữ hàng hóa mà không tiến hành bảo quản giữ gìn hàng hóa khiến cho toàn bộ hàng hóa hư hỏng là đã vi phạm các quy định pháp luật nêu trên; do đó Công ty T2 phải bồi thường thiệt hại cho bên có tài sản bị cầm giữ là Công ty T3. Thiệt hại được xác định là toàn bộ giá trị hàng hóa đã bị mất là 2.500.000.000 đồng cùng với chi phí mà Công ty T3 đã bỏ ra để vận chuyển hàng hóa từ Trà Vinh ra kho đóng gói ở Lào Cai và chi phí vận chuyển từ Lào Cai về cảng H, tổng cộng là 3.183.000.000 đồng.

[4] Đối với việc Công ty T3 vi phạm về thời hạn thanh toán:

Theo Giấy báo nợ do Công ty T2 lập ngày 14/9/2021 gửi cho Công ty T3 thì số nợ mà Công ty T3 phải thanh toán cho Công ty T2 là 1.935.105.500 đồng (bao gồm phí dịch vụ và cước tàu biển). Ngoài ra Công ty T2 chi hộ, trả hộ là 6.942.000 đồng nhưng Công ty T2 đã nhận tạm ứng của Công ty T3 là 280.000.000 đồng. Như vậy, khoản tiền mà Công ty T3 nợ Công ty T2 khi hàng lên tàu là: (1.935.105.500 đồng + 6.942.000 đồng) – 280.000.000 đồng = 1.662.047.500 đồng.

Theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều II của Hợp đồng giữa hai bên thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo nợ của Công ty T2, Công ty T3 có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Công ty T2. Sau thời hạn 05 ngày kể trên được coi là thanh toán muộn; phí thanh toán muộn là USD 200/tuần. Như vậy kể từ ngày 19/9/2021 Công ty T3 phải chịu phí thanh toán muộn.

Đến ngày 17/12/2021, LLC-BEFRESH có văn bản gửi cho Công ty T3 thông báo việc LLC-BEFRESH không nhận hàng do không nhận được tài liệu kiểm dịch thực vật gốc, giấy chứng nhận xuất xứ, vận đơn gốc hoặc bản phát hành telex. Việc LLC-BEFRESH không nhận được các tài liệu này thuộc về lỗi của Công ty T2. Như vậy, chỉ buộc Công ty T3 phải chịu phí thanh toán muộn trong khoảng thời gian từ ngày 19/9/2021 đến ngày 17/12/2021 tương đương 13 tuần; còn kể từ ngày LLC-BEFRESH thông báo chính thức việc từ chối nhận hàng do lỗi của Công ty T2 thì Công ty T3 không phải chịu phí thanh toán muộn. Như vậy, Công ty T3 phải chịu phí thanh toán muộn là 63.700.000 đồng.

Tổng cộng Công ty T3 phải trả cho Công ty T2 số tiền 1.725.747.500 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty T2. Theo đó xác định Công ty T3 phải thanh toán cho Công ty T2 là 1.725.747.500 đồng; Xác định Công ty T3 phải trả cho Công ty T2 số tiền là 3.183.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ hai khoản tiền thì Công ty T2 phải trả cho Công ty T3 số tiền 1.457.252.500 đồng.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Công ty T3 phải thanh toán số tiền 2.378.577.700 đồng nhưng chỉ được chấp nhận số tiền 1.725.747.500 đồng. Công ty T2 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận 652.830.200

đồng. Công ty T3 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 được chấp nhận 1.725.747.500 đồng.

- Công ty T3 yêu cầu phản tố buộc Công ty T2 phải bồi thường số tiền là 5.963.000.000 đồng nhưng được chấp nhận 3.183.000.000 đồng. Công ty T3 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.780.000.000 đồng. Công ty T2 phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của Công ty T3 được chấp nhận 3.183.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.835.830.299 đồng. Án phí được tính là 108.717.000 đồng (làm tròn).

Tổng số tiền mà Công ty T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.505.747.500 đồng. Án phí được tính 112. 506.000 đồng (làm tròn).

[7] Về án phí phúc thẩm: Công ty T2 không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 239, 240 của Luật Thương mại; các Điều 162, 163, 164, 165, 166, 167 của Bộ luật Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần T2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc buộc Công ty TNHH T3 chịu toàn bộ trách nhiệm giải phóng lô hàng 07 container lạnh 40 feet có số vận đơn 913092339 nằm tại cảng V, Liên bang N để hoàn trả vỏ 07 container lạnh 40 feet sạch sẽ cho hãng tàu (Công ty TNHH M).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2. Buộc Công ty TNHH T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T2 số tiền dịch vụ Logistics là 1.725.747.500 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T3. Buộc Công ty Cổ phần T2 phải bồi thường cho Công ty TNHH T3 số tiền là 3.183.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm tám mươi ba triệu đồng).

4. Khấu trừ nghĩa vụ Công ty TNHH T3 với Công ty Cổ phần T2 thì Công ty Cổ phần T2 còn phải thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền là 1.457.252.500 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 108.717.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần T2 đã nộp là 37.173.000 đồng theo Biên lai thu số 0000302 ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Số tiền án phí mà Công ty Cổ phần T2 phải nộp tiếp là 71.544.000 đồng.

Công ty TNHH T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112. 506.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH T3 đã nộp 56.981.500 đồng theo Biên lai thu số 0000539 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Số tiền án phí mà Công ty TNHH T3 phải nộp tiếp là 55.524.500 đồng.

6. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần T2 không phải nộp. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000101 ngày 01/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2). 25b. TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Minh